

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 10/01/2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc P, sinh ngày 19/7/2001 tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Trần Trọng T (sinh năm 1974) và bà Phạm Thị H (sinh năm 1977); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2020 đến 2022 đóng quân tại Hà Nội; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/9/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. *(Trích xuất có mặt)*

*** Bị hại:**

- Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ G; Địa chỉ trụ sở chính: Số 23, đường 19, khu đô thị T, phố P, tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Gia L – Giám đốc công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số nhà 304, tổ dân phố số 6, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình – Quản lý bưu cục điểm kinh doanh số 02. *(Có mặt)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Trọng T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P là nhân viên giao hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ G (gọi tắt là Công ty G theo “Hợp đồng hợp tác” ký ngày 20/3/2023, làm việc tại Điểm kinh doanh số 02, địa chỉ: Tổ dân phố Bao Trình, thị trấn D, huyện Thái Thụy. Theo quy định trong Hợp đồng đã ký kết và nội quy của Công ty G thì P có nhiệm vụ: Hằng ngày đến Điểm kinh doanh số 02, nhận hàng hóa từ Công ty để giao cho khách hàng (từ khi nhận hàng của Công ty đến khi giao thành công cho khách hàng không được quá 08 giờ); nhận cước phí vận chuyển hoặc tiền hàng (COD) từ khách hàng theo thông tin, địa chỉ ghi sẵn trên từng đơn hàng; trước 20 giờ hằng ngày thì P phải về Điểm kinh doanh số 02 để chốt các đơn hàng đã giao thành công cho khách hàng và nộp đủ tiền cước phí vận chuyển hoặc tiền hàng đã thu của khách hàng cho Công ty, đối với các đơn hàng chưa giao được cho khách hàng thì phải giao lại hàng cho Công ty.

Trong tháng 3 và tháng 4/2023, P thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, hằng ngày giao hàng cho khách hàng, nộp tiền cước phí vận chuyển hoặc tiền hàng đã thu của khách hàng cho Công ty đầy đủ. Ngày 29 và 30/5/2023, chị Nguyễn Thị Hồng M là Quản lý bưu cục Điểm kinh doanh số 02 giao cho P tổng số 130 đơn hàng để giao cho khách hàng, do ngày 29/5/2023 P giao hàng về muộn và nhập hệ thống bị lỗi nên chị M (được phân công nhiệm vụ quản lý và quyết định các sự việc phát sinh tại Điểm kinh doanh số 02) đã thay mặt công ty đã đồng ý để P giao nốt đơn hàng ngày 30/5/2023, nhận tiền của khách hàng thanh toán thành công với các đơn hàng nhưng chưa phải nộp lại cho công ty vào ngày 29/5/2023 và sẽ thanh toán tiền hàng của hai ngày 29 và 30/5 vào tối ngày 30/5/2023. Thủ tục giao, nhận đơn hàng giữa chị M và P được thực hiện toàn bộ trên ứng dụng nội bộ của Công ty, gồm ứng dụng quản lý tên “E3” và ứng dụng dành cho nhân viên giao hàng tên “J&T sprinter”. Sau khi nhận, kiểm tra hàng, P mang đi giao cho khách hàng tại các xã: Dương Phúc, Thụy Hưng, Thụy Việt, Thụy Văn của huyện Thái Thụy và báo tiến độ giao hàng trên ứng dụng nội bộ của Công ty. Có 82 đơn hàng P đã giao thành công cho khách hàng nhưng vẫn để trạng thái “đang chờ giao hàng” trên ứng dụng, không báo tiến độ giao hàng thành công về Công ty. Tổng số tiền cước phí vận chuyển và tiền hàng đã thu được của 82 khách hàng này là 27.863.835 đồng, P không nộp lại cho Công ty theo quy định, chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân, trong đó ngày 30/5/2023 P dùng số tiền 17.500.00 đồng đã chiếm đoạt được của Công ty để chuộc lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, sơn màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B6-440.61 trước đó P bán cho anh Bùi Trọng Q, sinh năm 1998, trú

tại thôn 1 Hoàn Sơn, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, số tiền còn lại P đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với 48 đơn hàng còn lại, chưa giao được cho khách hàng, ngày 01/6/2023 P đã trả lại cho Công ty.

Từ ngày 01/6/2023, P tự ý nghỉ việc. Sáng ngày 01/6/2023, chị Nguyễn Thị Hồng M được Công ty ủy quyền đã liên lạc, yêu cầu P trả lại số tiền đã chiếm đoạt của Công ty. P hẹn đến ngày **03/6/2023** sẽ trả lại đủ tiền cho Công ty nhưng không thực hiện. Ngày 10/7/2023, Công ty gửi đơn trình báo đến Công an huyện Thái Thụy yêu cầu điều tra, xử lý theo quy định.

Cáo trạng số 184/CT-VKSTT ngày 28/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo P về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong quyết định truy tố.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Nội dung sự việc đúng với những lời khai của P tại phiên tòa, trong quá trình điều tra Công ty G cũng đã nhận lại đầy đủ toàn bộ số tiền P đã chiếm đoạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, Công ty không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa ngày hôm nay.

Ông Trần Trọng T trình bày: Ông không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng. Ngoài ra bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận đối với đề nghị của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Các tài liệu hồ sơ do Công ty G cung cấp, Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của 82 người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: P là nhân viên giao hàng của Công ty G, trụ sở tại số nhà 23, đường 19, khu đô thị Trần Hưng Đạo, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, làm việc tại Điểm kinh doanh số 02, địa chỉ: tổ dân phố Bao Trình, thị trấn D, huyện Thái Thụy theo “Hợp đồng hợp tác” ký ngày 20/3/2023. Ngày 29 và ngày 30/5/2023, lợi dụng nhiệm vụ được giao phát hàng và thu tiền của khách hàng, P đã giao hàng thành công và thu tiền của 82 khách hàng là 27.863.835 đồng nhưng không nộp lại cho Công ty G theo quy định và theo thỏa thuận là sẽ thu tiền 2 ngày vào cùng 1 lần là tới ngày 30/5/2023, chiếm đoạt số tiền mà mình có trách nhiệm quản lý, dùng chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 27.863.835 đồng. Hành vi của bị cáo P đã phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 353. Tội tham ô tài sản

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này”.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có

trách nhiệm quản lý đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng gì có giá trị.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra quản lý của Trần Ngọc P: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B6-440.61. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản của ông Trần Trọng T (bố đẻ bị cáo P). Ngày 18/7/2023, ông Thuân đã bồi thường cho Công ty G số tiền 27.863.835 đồng. Ngày 01/10/2023, ông Thuân có đơn xin lại tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã trả lại chiếc xe trên cho ông Thuân là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về vật chứng vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ G đã nhận lại đầy đủ số tiền 27.863.835 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự. Ông Trần Trọng T trình bày số tiền trên là tiền của cá nhân ông tự nguyện bồi thường thay bị cáo P và ông không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo P phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2023, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Trần Ngọc P, người đại diện theo uỷ quyền của bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/01/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/01/2024.

Nơi nhận:

- Bị cáo; các đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- CQ thi hành án HS CA huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Xuân Quỳnh

